Vietnam Journal of Community Medicine, Vol 62, No 6 (2021) 38-43

THE SITUATION OF PRATICE CERVICAL CANCER PREVENTION AMONG REPRODUCTIVE AGE WOMEN AND HAVING GYNECOLOGICAL EXAMINATION AT LAM DONG GENERAL HOSPITAL

Nguyen Thi Hong Hanh*

Yersin University of Da Lat - No.27 Ton That Tung, 8 ward, Da Lat City, Lam Dong, Vietnam

Received 04/05/2021
Revised 17/06/2021; Accepted 29/07/2021

ABSTRACT

Objectives: The aims of this study to assess the practice of preventing cervical cancer of 15 - 49 years old and having gynecological examination women at Lam Dong General Hospital.

Research method: A cross-sectional description. Interviewed practice about cervical cancer prevention of 400 women.

Results: Over the course of the study, 400 women showed the number of women who had not been vaccinated is still high at 85.5%, the rate who had not been screened for cervical cancer is 62.3%. Based on the results of the study, we recommend that reproductive age women should be communicated more frequently about HPV vaccination and periodic cervical cancer screening to prevent cervical cancer.

Keywords: Cervical cance, prevention, reproductive age women.

*Corressponding author
Email address: hanhnguyen92.dl@gmail.com
Phone number: (+84) 339 054 804
https://doi.org/10.52163/vjcm.v62i6.173

THỰC TRẠNG DỰ PHÒNG UNG THƯ CỔ TỬ CUNG CỦA PHỤ NỮ TRONG ĐỘ TUỔI SINH SẢN KHÁM PHỤ KHOA TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH LÂM ĐỒNG

Nguyễn Thị Hồng Hạnh*

Trường Đại học Yersin Đà Lạt - 27 Tôn Thất Tùng, phường 8, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày nhận bài: 04 tháng 05 năm 2021
Chỉnh sửa ngày: 17 tháng 06 năm 2021; Ngày duyệt đăng: 29 tháng 07 năm 2021

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu này nhằm đánh giá vấn đề thực hành dự phòng ung thư cổ tử cung (UTCTC) của phụ nữ trong độ tuổi từ 15 – 49 tuổi đến khám phụ khoa tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng.

Phương pháp nghiên cứu: Mô tả cắt ngang. Phỏng vấn thực hành dự phòng ung thư cổ tử cung của 400 phụ nữ.

Kết quả: Qua quá trình thực hiện nghiên cứu trên 400 phụ nữ cho thấy số phụ nữ chưa tiêm phòng vắc xin còn cao chiếm 85,5%, tỷ lệ chưa đi khám sàng lọc UTCTC chiếm 62,3%. Qua kết quả nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy cần tuyên truyền cho phụ nữ trong độ tuổi sinh sản thường xuyên hơn nữa về tiêm phòng vắc xin HPV và sàng lọc ung thư cổ tử cung định kỳ để phòng bệnh ung thư cổ tử cung.

Từ khóa: Ung thư cổ tử cung, dự phòng, phụ nữ trong độ tuổi sinh sản.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, ung thư cổ tử cung (UTCTC) vẫn là một vấn đề lớn về sức khỏe của cộng đồng, được xếp hạng là nguyên nhân phổ biến thứ tư về tỷ lệ mắc và tử vong do ung thư ở phụ nữ trên toàn thế giới. Theo thống kê ung thư toàn cầu năm 2018, trên thế giới ước tính có 569.847 trường hợp mắc mới và 311.365 trường hợp tử vong trong năm [1]. Nếu không có các can thiệp sàng lọc, dự phòng và điều trị UTCTC thì trong khoảng 10 năm nữa, tỷ lệ mắc mới và tử vong do UTCTC sẽ tăng thêm 25% [5].

Tại Việt Nam, UTCTC là ung thư phổ biến thứ 3 ở phụ nữ trong độ tuổi từ 15 đến 44 tuổi ở nước ta và nhóm tuổi mắc UTCTC tập trung nhiều nhất thường vào phụ nữ ở độ tuổi 35-40 tuổi trở lên. Năm 2018, tại nước ta có khoảng 4.177 ca ung thư cổ tử cung mới được chẩn đoán và khoảng 2.420 ca tử vong [2]. Tuy nhiên UTCTC có thể ngăn ngừa được nếu dự phòng tốt, phát hiện sớm và tầm soát ung thư cổ tử cung định kỳ, UTCTC sẽ có khả năng điều trị khỏi, giảm tỷ lệ tử vong cho người phụ nữ [8].

Theo nghiên cứu trên 2132 phụ nữ tại tỉnh Lâm Đồng của Đặng Thị Hà năm 2013, mẫu nghiên cứu có 29

*Tác giả liên hệ
Email: hanhnguyen92.dl@gmail.com
Điện thoại: (+84) 339 054 804
https://doi.org/10.52163/vjcm.v62i6.173

trường hợp phết tế bào cổ tử cung (CTC) bất thường chiếm tỷ lệ 1,36% tỷ lệ tổn thương tiền ung thư, ung thư cổ tử cung là 0,75% cao nhất là CIN III có 07 trường hợp (0,33%), phần lớn các trường hợp phát hiện ở giai đoạn muộn [4].

Do đó việc dự phòng UTCTC của phụ nữ là một trong những yếu tố quan trọng để giảm gánh nặng bệnh tật. Một số nghiên cứu cho thấy người phụ nữ thực hiện sàng lọc và tiêm vắc xin dự phòng UTCTC là do có sự tư vấn của đội ngũ y tế trong đó có sự đóng góp không hề nhỏ của điều dưỡng viên [7]. Hiểu được vai trò và ý nghĩa quan trọng của việc dự phòng ung thư cổ tử cung, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu giúp tìm hiểu rõ hơn về vấn đề thực hành dự phòng UTCTC của phụ nữ trong độ tuổi sinh sản khi đến khám phụ khoa tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng, trên cơ sở đó nhằm hỗ trợ nâng cao nhận thức cho phụ nữ đến khám tại viện.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm, thời gian và đối tượng nghiên cứu:

- Địa điểm nghiên cứu: Phòng khám Sản khoa Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng

- Đối tượng nghiên cứu: Những người phụ nữ độ tuổi từ 15 – 49 tuổi đến khám phụ khoa tại phòng khám Sản khoa Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng.

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 5/2020 đến tháng 3/2021.

2.2. Phương pháp nghiên cứu:

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang

2.2.2. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho 1 tỷ lệ

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

- n : Số phụ nữ cần điều tra.

- $Z^2_{(1-\alpha/2)}$: Hệ số tin cậy ở mức xác suất 95 %, = 1.96

- p : Tỷ lệ phụ nữ có kiến thức tốt về dự phòng UTCTC, ước tính khoảng 50%, như vậy là p = 0,5 (Theo nghiên cứu Bùi Thị Thu Hà năm 2013) [3].

- d: là khoảng sai lệch chấp nhận được so với thực tế cộng đồng. Chọn d = 0.05

- Thay số vào công thức trên ta có n = 384.

- Cỡ mẫu chúng tôi đã phỏng vấn trong nghiên cứu này là 400 người.

2.3. Xử lý số liệu: Số liệu được nhập và phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0. Sử dụng các thống kê tần số và tỷ lệ phần trăm (%).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 3.1. Thực hành khám phụ khoa, tiêm vắc xin dự phòng UTCTC của ĐTNC

Nội dung		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Đã từng đi khám phụ khoa	Rồi	254	63,5
	Chưa	146	36,5
Đã từng đi tiêm vắc xin phòng UTCTC	Rồi	58	14,5
	Chưa	342	85,5
Nơi tiêm vắc xin (n=58)	Bệnh viện tuyến tỉnh (Đà Lạt, Bảo Lộc)	42	72,4
	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản	10	17,2
	Khác	6	10,4
Nguyên nhân không đi tiêm vắc xin dự phòng UTCTC (n=262)	Nghĩ là không cần thiết	60	22,9
	Cảm thấy ngại	15	5,7
	Sợ bị đau	4	1,5

Nội dung		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Nguyên nhân không đi tiêm vắc xin dự phòng UTCTC (n=262)	Chi phí vắc xin cao	47	17,9
	Không có thời gian	34	13,0
	Đi lại không thuận tiện	13	5,0
	Không biết vắc xin lúc đủ tuổi tiêm	68	26,0
	Khác	21	8,0

Số phụ nữ đã từng đi khám phụ khoa chiếm tỷ lệ cao 63,5%, chưa đi khám phụ khoa là 36,5%. Nhưng số phụ nữ đã tiêm vắc xin dự phòng UTCTC còn rất là thấp chỉ có 14,5%, còn lại 85,5 % là chưa tiêm phòng vắc xin. Các đối tượng đi tiêm phòng vắc xin chủ yếu ở bệnh viên tuyến tỉnh chiếm 72,4%. Lý do không đi tiêm vắc xin dự phòng UTCTC được ĐTNC chỉ ra nhiều nhất là thiếu thông tin về vắc xin khi đến tuổi tiêm chiếm 26,0%, tiếp theo là do nghĩ không cần thiết và do chi phí vắc xin cao với tỷ lệ 22,9% và 17,9%.

Bảng 3.2. Thực hành khám sàng lọc ung thư cổ tử cung (n=400)

Nội dung		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Đã từng đi khám sàng lọc UTCTC	Rồi	151	37,7
	Chưa	249	62,3
Số lần khám sàng lọc trong 3 năm gần đây (n=151)	Ít nhất 1 lần	151	100,0
	Không nhớ	0	0,0
Tần suất khám sàng lọc định kỳ (n=151)	Dưới 2 năm	107	70,9
	2-3 năm	33	21,9
	Từ 3 năm trở lên	11	7,3
	Khác	0	0,0
Nơi khám sàng lọc (n=151)	Bệnh viện tuyến tỉnh (Đà Lạt, Bảo Lộc)	76	50,3
	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản	49	32,5
	Khác	26	17,2
Lý do không đi khám sàng lọc (n=169)	Nghĩ là không cần thiết	43	25,4
	Cảm thấy ngại	4	2,4
	Sợ bị đau	19	11,2
	Chi phí sàng lọc cao	29	17,2
	Không có thời gian	26	15,4
	Đi lại không thuận tiện	12	7,1
	Không biết có sàng lọc	29	17,2
	Khác	7	4,1

Số phụ nữ đã đi khám sàng lọc chỉ chiếm 37,7%, chưa đi khám sàng lọc UTCTC chiếm 62,3%. Trong đó số người phụ nữ đi khám sàng lọc đúng thời gian dưới 2 năm chiếm tỷ lệ cao lần lượt là 70,9%. Địa điểm mà những phụ nữ này lựa chọn để khám sàng lọc chủ yếu là bệnh viện tuyến tỉnh là 50,3%. Lý do không đi khám sàng lọc được ĐTNC đưa ra nhiều nhất là nghĩ không cần thiết 25,4%, chi phí khám sàng lọc cao chiếm 17,2% và không biết thông tin khám sàng lọc là 17,2%.

Bảng 3.3. Thực hành dự phòng ung thư cổ tử cung

Thực hành dự phòng UTCTC	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tiêm vắc xin	85	26,6
Quan hệ tình dục an toàn	125	39,1
Không hút thuốc lá, hít khói thuốc	119	37,2
Cải thiện chế độ ăn và hoạt động thể lực	159	49,7
Khám phụ khoa, sàng lọc định kỳ	142	44,4
Điều trị viêm nhiễm sinh dục	112	35,0
Không làm gì	50	15,6
Khác	0	0,0

Phương pháp thực hành dự phòng UTCTC được phụ nữ lựa chọn nhiều nhất là cải thiện chế độ ăn và hoạt động thể lực chiếm 49,7%, tiếp theo là khám phụ khoa, sàng lọc định kỳ chiếm 44,4%. Tuy nhiên trong số đó vẫn còn 15,6% ĐTNC không làm gì để dự phòng căn bệnh này.

4. BÀN LUẬN

Thực hành khám phụ khoa, tiêm vắc xin dự phòng UTCTC của ĐTNC

Tỷ lệ phụ nữ đã từng đi khám phụ khoa chiếm tỷ lệ cao 63,5%, chưa đi khám phụ khoa là 36,5%. Kết quả nghiên cứu cao hơn của Đặng Đức Nhu (2016) tỷ lệ sinh viên đi khám phụ khoa là 16,38% [6]. Số phụ nữ đã tiêm vắc xin dự phòng UTCTC còn rất là thấp chỉ có 14,5%, còn lại 85,5% là chưa tiêm phòng vắc xin, kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Đặng Đức Nhu (2016) tỷ lệ ĐTNC đã tiêm phòng chỉ chiếm 17,51% [6], tỷ lệ chưa tiêm phòng vắc xin trong nghiên cứu của Bùi Thị Thu Hà (2013) là 100% [3]. Điều này cho thấy phụ nữ vẫn chưa có có hành động thực hành cụ thể để giúp dự phòng UTCTC một cách đúng đắn, cần tuyên truyền đến những đối tượng này để nâng cao tỷ lệ tiêm phòng trước khi quan hệ tình dục là vấn đề cấp thiết. Lý do không đi tiêm vắc xin dự phòng UTCTC được ĐTNC chỉ ra nhiều nhất là thiếu thông tin về vắc xin khi đến tuổi tiêm chiếm 26,0%, tiếp theo là do nghĩ không cần thiết và do chi phí vắc xin cao với tỷ lệ 22,9% và 17,9%. Theo nghiên cứu của Bùi Thị Thu Hà (2013) lý do chi phí vắc xin cao chiếm 41,1%, không có thông tin về vắc xin là 17,8% [3]. Qua kết quả trên, chúng tôi thấy, mặc dù ĐTNC nghĩ rằng tiêm phòng vắc xin dự phòng UTCTC trước khi quan hệ tình dục lần đầu là rất quan trọng và hiệu quả nhưng tỷ lệ thực hành tiêm vắc xin còn tỷ lệ rất thấp là vấn đề đáng báo động.

Thực hành khám sàng lọc ung thư cổ tử cung

Tỷ lệ phụ nữ đã đi khám sàng lọc chỉ chiếm 37,7%, chưa đi khám sàng lọc UTCTC chiếm 62,3%. Cao hơn kết quả của Bùi Thị Thu Hà (2013) số phụ nữ đã từng đi khám sàng lọc UTCTC chỉ có 3,9%, số phụ nữ đi khám sàng lọc định kỳ < 3 năm là 50% [3]. Điều này cho thấy những năm gần đây số phụ nữ quan tâm đến sàng lọc UTCTC đã tăng lên và họ đã có ý thức đi khám sàng lọc bệnh. Địa điểm mà những phụ nữ này lựa chọn để khám sàng lọc là bệnh viện tuyến tỉnh và trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản lần lượt là 50,3% và 32,5%. Cũng như tiêm phòng vắc xin, khi đi khám sàng lọc UTCTC thì ĐTNC cũng lựa chọn địa điểm là các bệnh viện tuyến tỉnh và các cơ sở có đủ khả năng và trình độ để thực hiện kiểm tra sức khỏe sinh sản. Chính vì vậy tầm

quan trọng của các cán bộ y tế cần phải tích cực hơn trong vấn đề tuyên truyền khám sàng lọc UTCTC cho đối tượng phụ nữ tới khám bệnh. Trong nghiên cứu của chúng tôi, lý do không đi khám sàng lọc được ĐTNC đưa ra nhiều nhất là nghĩ không cần thiết 25,4%, chi phí khám sàng lọc cao chiếm 17,2% và không biết thông tin khám sàng lọc là 17,2%. Mặc dù ĐTNC biết rằng khám sàng lọc giúp phát hiện sớm và điều trị kịp thời bệnh UTCTC nhưng do một số lý do do thiếu thông tin, giá cả chưa phù hợp với khả năng chi trả, chưa quan tâm thực sự tới sức khỏe sinh sản nên vấn đề khám sàng lọc vẫn chưa được các ĐTNC thực hành.

Thực hành dự phòng ung thư cổ tử cung

Trong nghiên cứu này, cách các đối tượng nghiên cứu đã thực hành dự phòng UTCTC được lựa chọn nhiều nhất là cải thiện chế độ ăn và hoạt động thể lực chiếm 49,7%, tiếp theo là khám phụ khoa, sàng lọc định kỳ chiếm 44,4%. Tuy nhiên trong số đó vẫn còn 15,6% ĐTNC không làm gì để dự phòng căn bệnh này. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của Đặng Đức Nhu (2016) về thực hành phòng chống UTCTC của sinh viên nữ thì phần lớn đều thực hiện biện pháp cải thiện chế độ ăn (54,8%) và có tới 15,54% ĐTNC không làm gì để phòng chống [6]. Điều này cho thấy ĐTNC chưa có thực sự thay đổi các hành vi của bản thân để dự phòng UTCTC và hơn thế nữa là chủ quan không làm gì để dự phòng UTCTC.

5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ ĐTNC đã từng đi khám phụ khoa chiếm tỷ lệ cao 63,5%, tuy nhiên có 85,5% phụ nữ là chưa tiêm phòng vắc xin. Các đối tượng đi tiêm phòng vắc xin chủ yếu ở bệnh viên tuyến tỉnh chiếm 72,4%. Lý do không đi tiêm vắc xin dự phòng UTCTC được lựa chọn nhiều nhất là thiếu thông tin về vắc xin khi đến tuổi tiêm chiếm 26,0%.

Tỷ lệ chưa đi khám sàng lọc UTCTC chiếm 62,3%. Địa điểm mà những phụ nữ này lựa chọn để khám sàng lọc là bệnh viện tuyến tỉnh là 50,3%. Lý do không đi khám sàng lọc được ĐTNC chỉ ra nhiều nhất là nghĩ không cần thiết 25,4%.

Qua kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ thực hành dự phòng UTCTC của phụ nữ còn thấp. Vì vậy để giúp phụ nữ có thể dự phòng được bệnh ung thư cổ tử cung thì ngoài vấn đề khám chữa bệnh nhân viên y tế cần tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe cho phụ nữ đến khám tại viện, về tiêm phòng vắc xin khi đến tuổi tiêm, thực hiện khám phụ khoa và sàng lọc UTCTC định kỳ 6 tháng/ lần.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bray F, Ferlay J, Siegel RL et al., Global cancer statistics 2018: GLOBOCAN estimates of incidence and mortality worldwide for 36 cancers in 185 countries, CA Cancer J Clin, 2018; 68(6): 394-424.

[2] Bruni L, Albero G, Serrano B et al., Human Papillomavirus and Related Diseases in Viet Nam, ICO/IARC Information Centre on HPV and Cancer (HPV Information Centre), 2018.

[3] Ha BTT, Knowledge and practices on the cervical cancer prevention and associated factors among 35 - 60 years old married women in An Bai, Quynh Phu district, Thai Binh province, Master's Thesis in Public Health, Ha Noi University of public heallth, 2013. (in Vietnamese)

[4] Ha DT, Results of the 2132 women's Pap smear in Lam Dong province in 2013, Ho Chi Minh City Journal of Medicine, 2014; 18(5): 80 – 83. (in Vietnamese)

[5] Ministry of Health, National action plan for prevention and control of cervical cancer 2016-2025, Hanoi, 2016. (in Vietnamese)

[6] Nhu DD, Knowledge, attitude and practice about prevention cervical cancer of 3rd - year female students at University of Social Sciences and Humanities in 2014, Journal of preventive medicine, 2016; 26(4): 117. (in Vietnamese)

[7] Okunowo AA, Daramola ES, Soibi AP et al., Women's knowledge of cervical cancer and uptake of Pap smear testing and the factors influencing it in a Nigerian tertiary hospital, Journal of Cancer Research and Practice, 2018; 5(3): 105-111.

[8] Saraiya M, Unger ER, Thompson TD et al., US assessment of HPV types in cancers: implications for current and 9-valent HPV vaccine., J Natl Cancer Inst., 2015; 107(6): 86.